

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 06 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
76	76		76		76	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.10.	150.000	615.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	5.5.	15.000	82.500				
3			Bí đỏ	Kg	4.20	15.000	63.000				Canh bí đỏ
			Bánh gạo On On	Gói	4.00	20.000	80.000				
4			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.220.500				

Người lập



Lò Thị Thảo

Xác nhận của nhà trường



Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 07 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70	135.000	499.500				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	44.00	4.500	198.000				
3			Bắp cải	Kg	5.30	15.000	79.500				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	4.00	20.000	80.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.237.000				

Người lập

Lò Thị Thảo

Xác nhận của nhà trường

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 08 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1216000.	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.10	150.000	615.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	4.30	15.000	64.500				
3			Bí đỏ	Kg	4.30	15.000	64.500				
4			Bánh gạo On On	Gói	4.70	20.000	94.000				Canh bí đỏ
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.218.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 09 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	6.40	90.000	576.000				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	4.90	15.000	73.500				
3			Bắp cải	Kg	4.10	15.000	61.500				
4			Bánh quy Daisy	Gói	6.00	20.000	120.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				Canh bí đỏ
Tổng cộng							1.211.000				

Người lập

Lò Thị Thảo

Xác nhận của nhà trường

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NĂM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 10 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70.	135.000	499.500				Thịt xào su su
2			Trứng vịt	Qủa	44..	4.000	176.000				
3			Bí đỏ	Kg	5.6.	15.000	84.000				
4			Bánh gạo On On	Gói	3.80	20.000	76.000				Rau cải nấu canh
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.215.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
76	76		76		76	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.10.	150.000	615.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	5.4.	15.000	81.000				
3			Bí đỏ	Kg	4.30	15.000	64.500				Canh bí đỏ
			Bánh gạo On On	Gói	4.00	20.000	80.000				
4			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.220.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 14 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70	135.000	499.500				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	40.00	4.500	180.000				
3			Bắp cải	Kg	5.30	15.000	79.500				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	4.00	20.000	80.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.219.000				

Người lập

Lò Thị Thảo

Xác nhận của nhà trường

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 15 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1216000.	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.00	150.000	600.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	4.30	15.000	64.500				
3			Bí đỏ	Kg	4.20	15.000	63.000				
4			Bánh gạo On On	Gói	4.70	20.000	94.000				Canh bí đỏ
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.201.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 16 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	6.40	90.000	576.000				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	4.90	15.000	73.500				
3			Bắp cải	Kg	4.10	15.000	61.500				
4			Bánh quy Daisy	Gói	6.20	20.000	124.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				Canh bí đỏ
Tổng cộng							1.215.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 10 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70.	135.000	499.500				Thịt xào su su
2			Trứng vịt	Qủa	41..	4.000	164.000				
3			Bí đỏ	Kg	5.6.	15.000	84.000				
4			Bánh gạo On On	Gói	3.80	20.000	76.000				Rau cải nấu canh
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.203.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 20 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
76	76		76		76	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.10.	150.000	615.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	5.4.	15.000	81.000				
3			Bí đỏ	Kg	4.30	15.000	64.500				Canh bí đỏ
			Bánh gạo On On	Gói	4.00	20.000	80.000				
4			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.220.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 21 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70	135.000	499.500				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	40.00	4.500	180.000				
3			Bắp cải	Kg	5.30	15.000	79.500				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	4.00	20.000	80.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.219.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 22 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1216000.	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.00	150.000	600.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	4.30	15.000	64.500				
3			Bí đỏ	Kg	4.20	15.000	63.000				
4			Bánh gạo On On	Gói	4.70	20.000	94.000				Canh bí đỏ
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.201.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NĂM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 23 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	6.40	90.000	576.000				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	4.90	15.000	73.500				
3			Bắp cải	Kg	4.10	15.000	61.500				
4			Bánh quy Daisy	Gói	6.20	20.000	124.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				Canh bí đỏ
Tổng cộng							1.215.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 24 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70.	135.000	499.500				Thịt xào su su
2			Trứng vịt	Qủa	41..	4.000	164.000				
3			Bí đỏ	Kg	5.6.	15.000	84.000				
4			Bánh gạo On On	Gói	3.80	20.000	76.000				Rau cải nấu canh
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.203.500				

Người lập

Lò Thị Thảo

Xác nhận của nhà trường

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 27 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
76	76		76		76	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.10.	150.000	615.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	5.4.	15.000	81.000				
3			Bí đỏ	Kg	4.30	15.000	64.500				Canh bí đỏ
			Bánh gạo On On	Gói	4.00	20.000	80.000				
4			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.220.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 28 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70	135.000	499.500				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	40.00	4.500	180.000				
3			Bắp cải	Kg	5.30	15.000	79.500				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	4.00	20.000	80.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.219.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 29 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1216000.	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	4.00	150.000	600.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	4.30	15.000	64.500				
3			Bí đỏ	Kg	4.20	15.000	63.000				
4			Bánh gạo On On	Gói	4.70	20.000	94.000				Canh bí đỏ
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.201.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 20 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	6.40	90.000	576.000				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	4.90	15.000	73.500				
3			Bắp cải	Kg	4.10	15.000	61.500				
4			Bánh quy Daisy	Gói	6.20	20.000	124.000				
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				Canh bí đỏ
Tổng cộng							1.215.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỒNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 31 tháng 10 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
76	76		76	76.	-	-	16.000	1.216.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	76	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	3.70.	135.000	499.500				Thịt xào su su
2			Trứng vịt	Qủa	41..	4.000	164.000				
3			Bí đỏ	Kg	5.6.	15.000	84.000				
4			Bánh gạo On On	Gói	3.80	20.000	76.000				Rau cải nấu canh
5			Sữa tươi MC 110ml	Hộp	76.00	5.000	380.000				
Tổng cộng							1.203.500				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu